TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 684/2023/HC-PT
Ngày: 16-8-2023
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 70/2023/TLPT- HC ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai";* do Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1837/2023/QĐ-PT ngày 20/7/2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1953; Cư trú tại: ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1983; Cư trú tại: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Đức P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H và luật sư Đặng Văn C, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (cả 2 đều có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh L;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Ú – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Vũ T – Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh L (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành P1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Văn Đ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc B – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1947; Cư trú tại: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1*:* Bà Lê Thị C1, sinh năm 1961 và ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1974; Cùng cư trú tại: Hẻm C ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1*:* Luật sư Trương Thị Minh T3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc B – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: người khởi kiện bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1981 bà H lên liếp trồng cây diện tích 27.514m^2, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Năm 1992, ông T1 không đồng ý vì cho rằng bà H đã lấn chiếm đất của mình nên đã làm đơn khiếu nại. Đến ngày 15/7/1994, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định 319.UB.QĐ giữ nguyên quyền sử dụng 25.707m^2 đất tại xã Đ cho bà H. Ông T1 tiếp tục khiếu nại, ngày 28/7/1995 Ủy ban nhân dân tỉnh L giữ nguyên Quyết định số 319 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, công nhận diện tích 25.707m^2 cho bà Lê Thị H.

Ngày 23/10/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định 1767/QĐ-UB với nội dung, thu hồi quyết định 4345/UB.QĐ ngày 28/7/1995 và công nhận quyền sử dụng 25.707m^2 đất tại xã Đ cho ông Nguyễn Khắc T1.

Ngày 06/5/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh L có quyết định 982/UB.QĐ về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định 1767/QĐ-UB, giao cho Thanh tra tỉnh Long An thẩm định, xác minh lại nội dung vụ việc và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Ngày 31/12/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh L có Quyết định 4227/1998/UB.QĐ về việc thu hồi quyết định 982/UB.QĐ ngày 06/5/1997 và xác định Quyết định 1767/UB.QĐ ngày 23/10/1996 là đúng và có hiệu lực.

Ngày 04/8/1999 ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 25.707m^2 tranh chấp.

Ngày 23/4/2002, Đoàn kiểm tra liên ngành của Ủy ban nhân dân tỉnh L có báo cáo số 29/BC-ĐKT với nội dung kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên 22.256m^2 đất cho bà Lê Thị H sử dụng là diện tích đất thực tế bà H khai hoang sản xuất trên thửa 741.

Ngày 12/10/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh L có Quyết định 2603/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1767/UB.QĐ ngày 23/10/1996; thu hồi 27.514m^2 đất và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Đ sử dụng vào mục đích chung; giao Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 146548 ngày 04/8/1999 của ông Nguyễn Khắc T1. Bác đơn của bà Lê Thị H vì lý do bà H yêu cầu được sử dụng đất 27.514m^2 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị H đã rất nhiều lần đi khiếu nại Ủy ban nhân dân tỉnh L, khiếu nại lên Bộ T8, Thanh tra chính phủ, Chính phủ trong nhiều năm nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh L không giải quyết.

Đến giữa tháng 06/2017 bà H nhận được Văn bản số 2194/UBND-TCD ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H, với nội dung: Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là đúng quy định và việc bà H yêu cầu được sử dụng đất 27.514m^2 là không có cơ sở giải quyết.

Những cơ sở pháp lý cho yêu cầu khởi kiện của bà H:

- Quyết định 2603/QĐ-UBND ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Khiếu nại tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2005; không đúng trình tự thủ tục từ Điều 40-47 Luật Khiếu nại tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2005; không đúng về nội dung theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo; không căn cứ vào văn bản pháp luật mà chỉ căn cứ vào công văn là trái quy định của pháp luật; không nêu thu hồi đất thuộc trường hợp nào là không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyết định số 1767/QĐ-UB sử dụng thuật ngữ không đúng từ điển pháp luật cụ thể, "Lấn chiếm", "Khai dở" và có nội dung, hình thức, thẩm quyền, thủ tục trái quy định Luật đất đai, Luật khiếu nại tố cáo.

- Quyết định 2603/QĐ-UBND ban hành không đúng pháp luật nên dẫn đến Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H không đúng pháp luật.

Từ đó, bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết:

- Hủy văn bản số 2194/UBND-TCD ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H;

- Hủy quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi quyết định số 1716/QĐ-UB ngày 23/10/1996;

- Hủy quyết định số 1767/QĐ.UB ngày 23/10/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khắc T1 xã Đ, huyện Đ;

- Hủy quyết định số 4227/QĐ.UB ngày 31/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị H với ông Nguyễn Khắc T1;

- Hủy Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H.

- Hủy Quyết định số 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khắc T1 và bà Lê Thị H.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh L *có văn bản số 2799/UBND-NCTCD ngày 05/7/2018 và văn bản số 3572/UBND-NCTCD ngày 11/7/2019 trình bày:*

Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc T1 đối với diện tích 25.707m^2 thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 05 phát sinh từ năm 1992. Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ban hành nhiều quyết định giải quyết tranh chấp nêu trên. Ủy ban nhân dân tỉnh L xác định sau khi ban hành Quyết định 1767/QĐ-UBND ngày 23/10/1996 bà H khiếu nại và Bộ T8 có báo cáo Thủ tướng đề xuất giải quyết cho bà H được tiếp tục sử dụng 22.256m^2 đất, phần còn lại giao chính quyền địa phương quản lý để xem xét giao cho người có nhu cầu sử dụng. Văn phòng C3 có công văn số 5825/VPCP.VII ngày 24/11/2003 truyền đạt ý kiến Thủ tướng Chính phủ xem xét giải quyết dứt điểm tranh chấp này. Ngày 03/12/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh L có công văn số 5202/BC-UB báo cáo vụ việc và đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H diện tích 3.047m^2 đất (phần bà H lên liếp trồng điều trước khi có tranh chấp); phần còn lại 23.035m^2 giao Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, sử dụng theo Luật Đất đai.

Bà H đã khiếu nại lên Thủ tướng Chính P2 và Thủ Tướng giao Thanh Tra Chính Phủ xem xét khiếu nại của bà H. Ngày 08/8/2007, Văn phòng C3 có công văn số 4409/VPCP-VII gửi Thanh tra Chính Phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh L thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng: "Đồng ý với kết luận kiến nghị của Thanh tra

Chính phủ tại báo cáo số 1816/TTCP-V4 ngày 07/10/2005; giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L thực hiện giải quyết dứt điểm khiếu nại của bà Lê Thị H; báo cáo kết quả giải quyết lên Thủ tướng Chính phủ".

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng, Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ban hành Quyết định số 2603/QĐ-UB ngày 12/10/2007. Nội dung thu hồi quyết định 1767/QĐ-UBND ngày 23/10/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại giữa ông Nguyễn khắc T4 và bà Lê Thị H. Thu hồi 27.514m^2 đất toạ lạc tại xã Đ, huyện Đ thuộc thửa 25, 69, tờ bản đồ số 29 loại đất LN giao cho Ủy ban nhân dân huyện Đ sử dụng vào mục đích chung. Giao Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PI 46458 ngày 04/8/1999 của ông Nguyễn khắc T4. Thành lập Hội đồng định giá đền bù thành quả lao động trên diện tích 3.047m^2, hỗ trợ thành quả lao động cho bà Lê Thị H diện tích 4.731m^2 đất như công lên liếp, giống cây chăm sóc và phần đắp ụ 15.251m^2 hỗ trợ công đắp, bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị H. Lý do: bà H yêu cầu được sử dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết. Theo hồ sơ lưu trữ thì không thể hiện việc ông Nguyễn Khắc T1 bồi hoàn thành quả lao động cho bà Lê Thị H.

Hiện nay phần đất tranh chấp đã được giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý và hiện trạng là đất cây tạp, có ranh giới đất rõ ràng. Ủy ban nhân dân huyện Đ đã tiến hành định giá và ban hành Quyết định số 5459/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà H số tiền 10.152.750đ. Bà H không nhận tiền nên Ủy ban nhân dân huyện đã nộp trả lại Ngân sách.

Năm 2016, bà H tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L chỉ đạo xem xét giải quyết khiếu nại của bà H.

Ngày 24/5/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Văn bản số 2194/UBND-TCD về việc khẳng định Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là đúng quy định pháp luật và việc bà H yêu cầu được sử dụng đất với diện tích 27.514m^2 là không có cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị H.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ *có văn bản số 3701/UBND-NC ngày 18/7/2019 và Văn bản số 5465/UBND-NC ngày 27/5/2022 trình bày*:

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Khắc T1 Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến như sau: Ngày 23/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 8034/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Khắc T1 ngày 04/8/1999 tại thửa đất 25, 69 tờ bản đồ số 29 tọa lạc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với lý do thực hiện theo Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L. Ngày 06/12/2007, Phòng T mời ông T1 đến công bố và trao quyết định. Kết quả ông T1 đồng ý nhận quyết định nói trên, về việc giao giấy thì ông T1 trình bày đang bị thất lạc không cung cấp được. Việc ông T1 khởi kiện đối với Quyết định 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị

Tòa án nhân dân tỉnh Long An đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của ông T1.

Bà H khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến như sau: Ngày 03/7/2008, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 5459/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H, đất tọa lạc tại xã Đ với số tiền 10.152.750 đồng. Ngày 25/7/2008, Phòng T phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ mời bà Lê Thị H đến công bố và trao Quyết định số 5459/QĐ-UBND. Kết quả bà H đồng ý nhận quyết định nói trên, nhưng không đồng ý với nội dung của quyết định và không đồng ý nhận số tiền bồi thường nêu trong quyết định. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với nội dung khởi kiện của bà H đối với quyết định 5459.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã Đ *trình bày ý kiến tại Công văn số 325/UBND-PĐ ngày 16/8/2022 như sau:* Qua kiểm tra kiểm tra tàn thư tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì không tìm thấy quyết định số 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị H1. Các tài liệu liên quan đến quyết định 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 cũng không còn hồ sơ lưu trữ. Ủy ban nhân dân xã Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T1 *do bà* Lê Thị C1 *đại diện trình bày:*

Phần đất này là di sản thừa kế của Liệt sỹ Nguyễn Văn T5 để lại cho ông Nguyễn Văn N1 thờ cúng, ông N1 chết để lại cho 04 người con Nguyễn Khắc T1, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Hồng H2, Nguyễn Tấn L. Ông T1 sử dụng ổn định phần đất này từ năm 1972 cho đến năm 2004 ông T1, A, H2, L đã bán cho bà Lê Thị C1, có làm giấy tay mua bán. Hiện tại bà C1 là chủ tài sản thửa đất số 25, 69 thuộc tờ bản đồ số 29 có diện tích 27.514m^2 mang tên Nguyễn Khắc T1 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Năm 2017 bà C1 biết được Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi các thửa đất 25, 69 bằng Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của ông T1 và bà C1.

Do đó, ông Nguyễn Khắc T1 khởi kiện độc lập, yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ Quyết định 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1. Ông T1 chỉ khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An, không khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền nào khác.

Tại Văn bản số 141A/UBND-NC ngày 13/5/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ do bà Lê Thị Ngọc B làm đại diện, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An đưa ra xét xử sơ thẩm, tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H; không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Khắc T1.

Bà H kháng cáo và tại bản án hành chính phúc thẩm số 453/2020/HC-PT ngày 26/8/2020 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã Đ không được tham gia phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; thủ tục cử ủy quyền của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh là không đúng; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Luật đất đai 1988 là không đúng luật chuyên ngành.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 14 Luật Đất đai 1987; Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai 2003; Luật Khiếu nại tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2005; Luật Khiếu nại năm 2012; Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, đối với các yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 2194/UBND-TCD ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H.

- Hủy Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi quyết định số 1716/QĐ-UB ngày 23/10/1996.

- Hủy Quyết định số 1767/QĐ.UB ngày 23/10/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khắc T1 xã Đ, huyện Đ.

- Hủy Quyết định số 4227/QĐ.UB ngày 31/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị H với ông Nguyễn Khắc T1.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, đối với:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khác T6 và bà Lê Thị H.

Bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với các yêu cầu này theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Khắc T1, đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc T1.

Ông T1 không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2022, người khởi kiện bà Lê Thị H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; ngày 20/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T1 kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T1.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 *bà* Lê Thị C1 *trình bày:* Đất này là đất trồng tràm nước, nguồn gốc đất là của 4 người con của ông T5 để giữ làm đất hương hỏa. Bà H đến ở nhờ nhà ông T7 và ông T7 cho bà ở nhờ có 200m^2 nhưng bà khai hoang hết phần đất của ông T7 và lấn sang phần đất của ông T1 2000m^2. Bà H lấn đất bị ông T1 khiếu nại, ông T1 khiếu nại được UBND chấp thuận nên mới tới cưa cây của bà H ở phần đất lấn. Văn bản của thanh tra chính phủ có sai ở chỗ là GCNQSDĐ cấp cho bà H có ngày tháng rõ ràng, nhưng văn bản này lại không ghi nhận. Việc thanh tra chính phủ cho rằng đất bỏ hoang là không đúng do đất đang có tranh chấp thì không được sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề nêu trên. Việc chỉ đạo của thủ tướng là giải quyết dứt điểm khiếu nại của bà H chứ không phải thu hồi đất của ông T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H*, luật sư* Đặng Văn C *trình bày:* Vụ án đã kéo dài nhiều năm, trải qua nhiều lần sửa đổi luật. Trước đây bản chất vụ án là tranh chấp quyền sử đụng đất giữa ông T1 và bà H, mà tại thời điểm đó việc giải quyết thuộc thẩm quyền của UBND các cấp. Việc giải quyết tranh chấp của UBND các cấp (trong đó có cả ở trung ương) lại có cách giải quyết mâu thuẫn, trái ngược nhau. Các Quyết định của UBND các cấp về mặt thẩm quyền, căn cứ, nội dung, trình tự thủ tục đều có những sai phạm. Vấn đề mấu chốt của vụ việc là chỉ Chủ tịch UBND mới có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và giải quyết bằng 2 cấp, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đã là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng. Quyết định gây ra xung đột, khiếu nại đến ngày hôm nay là Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, mà thẩm quyền, căn cứ, trình tự thủ tục đều sai. Bà H khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy các Quyết định hành chính không có căn cứ để sau này nếu có tranh chấp thì bà H với ông T1 sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Luật sư Trần Đức P *trình bày bổ sung:* Ông T1 không phải là người được Nhà nước trao quyền hay người sử dụng đất, không có năng lực pháp luật để tranh chấp với bà H. Bà H khai hoang đất từ năm 1998, còn ông T1 không được quyền yêu cầu xem xét lại chủ trương, chính sách về đất đai mà Nhà nước đã thực hiện theo quy định. UBND các cấp đã không xác định được loại đất để làm căn cứ hạn điền. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh B lên thanh tra chính phủ là chưa chính xác thực

tế sử dụng đất. QĐ số 2603 là QĐ trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T1 trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị H và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Khắc T1 về việc hủy các Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H; Số 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khắc T1 và bà Lê Thị H Và Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc T1 đã là quá thời hiệu 01 năm kể từ thời điểm bà H, ông T1 nhận được hoặc biết được các Quyết định hành chính nêu trên. Nên, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc T1 đối với diện tích 27.514m^2 thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 05 phát sinh từ năm 1992. Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ban hành nhiều quyết định giải quyết tranh chấp nêu trên. Cụ thể:

Năm 1992, ông T1 làm đơn khiếu nại với lý do bà H lấn chiếm và khai vỡ đất của gia đình ông khoảng 2000m^2;

Ngày 18/8/1993, UBND huyện Đ có Quyết định số 04/QĐ.UB với nội dung: giữ nguyên canh quyền sử dụng 23.622m^2 đất cho bà Lê Thị H (BL98);

Ngày 24/8/1993, UBND xã Đ có Quyết định số 03/QĐ.UB v/v công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khắc T1 và bà Lê Thị H với nội dung buộc bà H giao lại cho ông T1 8.569m^2/25.707m^2 đất. (BL54);

Ngày 15/7/1994, UBND huyện Đ có Quyết định số 319/QĐ.UB v/v thu hồi quyết định số 04/QĐ.UB ngày 18/8/1993 và công nhận giải quyết tranh chấp giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc T1 với nội dung giữ nguyên canh quyền sử dụng 25.707m2 đất cho bà Lê Thị H (BL53);

Ngày 25/8/1994, Ban Quản lý ruộng đất tỉnh L nhận Đơn khiếu nại của ông T1 (BL179);

Ngày 28/7/1995, UBND tỉnh L có Quyết định số 4345/QĐ.UB: chuẩn y quyết định số 319/QĐ.UB ngày 15/7/1994 là đúng và có giá trị thi hành; Bác đơn khiếu nại của ông T1. Lý do: thuộc dạng bao chiếm đất hoang, vào năm 1981, bà H là người trực tiếp khai hoang sử dụng ổn định cho đến nay. (BL52)

Ông T1 tiếp tục khiếu nại vì đất của ông thuộc thửa 741, chứ không phải thửa 740;

Ngày 23/10/1996, UBND tỉnh L có Quyết định số 1768/QĐ.UB thu hồi Quyết định số 4345/QĐ.UB ngày 28/7/1995; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 với diện tích 25.707m; Ông T1 phải bồi hoàn thành quả lao động cho bà H trên khu đất của ông mà bà H đã lấn chiếm và khai dở. (BL51);

Ngày 15/11/1996, Hội đồng định giá huyện cùng bà H và ông T1 đến tại hiện trường đất để kê biên số cây trồng, số tiền định giá để ông T1 bồi hoàn là 4.272.000 đồng. Ông T1, bà H đều thống nhất ký tên. Nhưng sau đó bà H tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra tỉnh;

Ngày 28/11/1996, UBND huyện Đ có Quyết định số 602/QĐ.UB xử phạt hành chính bà H với hình thức cảnh cáo do có hành vi không chấp hành quyết định giải quyết của UBND tỉnh;

Ngày 31/12/1996, UBND huyện Đ có Quyết định số 665/QĐ.UB cưỡng chế bà H giao đất;

Ngày 25/3/1997, Thanh tra tỉnh Long An có Công văn số 02/CV-TTr đề nghị UBND tỉnh L đình chỉ thi hành Quyết định 1768/QĐ.UB ngày 23/10/1996 để xác minh nội dung khiếu nại;

Ngày 06/5/1997, UBND tỉnh L Quyết định số 982/QĐ.UB v/v đình chỉ thi hành Quyết định 1768/QĐ.UB ngày 23/10/1996, giao Thanh tra tỉnh Long An thẩm tra báo cáo. Thời gian đình chỉ là 15 ngày. (BL112);

Ngày 28/9/1998, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2497/QĐ.UB thành lập Đoàn kiểm tra 3 vụ tranh chấp đất ở huyện Đ, trong đó có vụ của bà Lê Thị H.

Ngày 17/11/1998, Đoàn Thanh tra có Báo cáo với nội dung: *Đoàn thẩm tra xác minh nguồn gốc đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại cho ông* Nguyễn Văn N1, *ông* N1 *để lại cho con là* Nguyễn Khắc T1, *có hồ sơ đứng bộ bà tương phân của tông chi kèm theo. Sau giải phóng, ông* T1 *có đến* UBND xã Đ *đăng ký thửa đất số 741, tờ bản đồ số 5. Riêng bà* H *lấn sang đất* T1 *thửa đất số 741 là không hợp pháp; Đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho ông* T1*; Bác đơn khiếu nại của bà* H*; Ông* T1 *có trách nhiệm bồi hoàn công sức lao động bỏ ra cho bà* H (BL115-116);

Ngày 31/12/1998, UBND tỉnh L có Quyết định số 4227/1998 thu hồi Quyết định số 982/QĐ.UB v/v đình chỉ thi hành Quyết định 1768/QĐ.UB ngày 23/10/1996; Khẳng định Quyết định 1768/QĐ.UB ngày 23/10/1996 là đúng và có giá trị thi hành. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 diện tích 25.707m. (BL55-56);

Ngày 04/8/1999, ông T1 được cấp GCN QSDĐ số 1836, đối với thửa số 25, 69, tờ bản đồ 29, tổng diện tích là 27.514m^2, loại đất lúa (BL160);

Năm 2000, bà H tiếp tục có Đơn khiếu nại đến UBND tỉnh L. Ngày 27/12/2000, UBND tỉnh L có Công văn số 2488/CV.UB giao Thanh tra tỉnh Long An xem xét lại trường hợp khiếu nại của bà H;

Ngày 23/4/2002, Đoàn kiểm tra có văn bản Báo cáo số 29/BC.ĐKT với nội dung: *đề nghị UBND tỉnh giữ nguyên quyền sử dụng đất cho bà* H *diện tích thực tế mà bà khai vỡ trên thửa 741. Lý do bà* H *có công khai vỡ đất hoang sử dụng, chỉ giao cho ông* T1 *phần đất bà* H *chưa khai vỡ* (BL125-128);

Ngày 31/7/2002, UBND tỉnh L có 2618/CV-UB trả lời đơn khiếu nại của bà H, nội dung: *UBND tỉnh khẳng định Quyết 1768/QĐ.UB ngày 23/10/1996 là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu bà* H *nghiêm chỉnh chấp hành*. (BL124);

Ngày 21/6/2002, Thủ tướng chính phủ có Công văn số 3404/VPCP-VII giao T9 (nay là Bộ T10) kiểm tra xác minh, kết luận và có văn bản trả lời khiếu nại của bà Lê Thị H.

Ngày 27/02/2003, Bộ trưởng Bộ T8 có Quyết định số 230/BTNMT v/v thành lập Đoàn công tác giải quyết khiếu nại về đất đai tại các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre. Ngày 15/7/2003, UBND tỉnh L Thông báo số 69/TB-UB về kết luận của Lãnh đạo Bộ T8 và UBND tỉnh L trong cuộc họp ngày 18/6/2003. Trong đó, ý kiến về khiếu nại của bà Lê Thị H: *"thống nhất điều chỉnh quyết định công nhận phần đất của bà* H *thực tế đã khai phá, phần còn lại giao cho chính quyền địa phương quản lý; để làm rõ hiện trạng đất giao UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra lại diện tích bà* H *có đầu tư sản xuất không?"* (BL130-132);

Ngày 03/10/2003, Bộ T8 có Văn bản số 2546/BTNMT-TTr v/v giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H, nội dung: *"Ngày 18/6/2003, Lãnh đạo* Bộ T8 *đã làm*

việc với Chủ tịch UBND tỉnh L *và thống nhất để* UBND tỉnh L *điều chỉnh Quyết định 4227/1998/QĐ.UB ngày 31/12/1998 theo hướng: công nhận cho bà* Lê Thị H *sử dụng phần đất 22.256m^2 thực tế đã khai phá và sử dụng; phần còn lại giao chính quyền địa phương quản lý".*(BL133);

Ngày 07/10/2005, Thanh tra Chính phủ có Báo cáo kết quả kiểm tra việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H số 1816/TTCP-V4, nội dung:

"Trong quá trình đang giải quyết Bộ T8 *thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông* Nguyễn Khắc T1 *là không đúng nhưng chưa xem xét, xử lý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 146548 ngày 04/8/1999 mà* UBND Huyện Đ *cấp cho ông* T1.

- *Gốc đất của gia đình ông* Nguyễn Khắc T1*: Đã bỏ hoang từ trước đến năm 1975. Năm 1983, có kê khai diện tích đất này cùng với bà* C2 *ở* xã Đ *nhưng lại bỏ hoang không canh tác đến năm 1993. Căn cứ vào Khoản 5, điều 14, Luật đất đai năm 1988; điều 3, Quyết định 13/HĐBT ngày 01/02/1989 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì diện tích đất này phải thu hồi lại.*

- *Bà* Lê Thị H *từ năm 1988 đến năm 1996 đã lấn chiếm khai hoang và sử dụng đất của ông* T1 *để lên liếp trồng cây trái. Việc bà hường đòi được sử dụng diện tích đất này là không có cơ sở xem xét giải quyết. Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp hạn điền không quá 03 ha. Như vậy tại thời điểm này bà* H *đang canh tác 2,9 ha đất và đến năm 1997 bà* H *đã nhượng bán diện tích đất này. Căn cứ vào điểm 4, điều 48, Luật đất đai 1988 xét cho bà* H *được đền bù thành quả lao động trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.*

- *Ông* Nguyễn Khắc T1 *biết bà* H *lấn chiếm đất của ông từ năm 1988, đến năm 1993 ông* T1 *mới khiếu nại đất bị lấn chiếm và ông cũng không tự bảo vệ đất của mình mà để bà* H *tiếp tục lấn chiếm hết phần đất đó. Như vậy ông* T1 *không có nhu cầu sử dụng phần đất này".*

Đồng thời, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giải quyết khiếu nại của bà H theo hướng: *"Chỉ đạo Chủ tịch* UBND tỉnh L *thu hồi Quyết định số 1767/QĐ-UB ngày 23/10/1996 của* UBND tỉnh L*; ra quyết định thu hồi 27.514m^2 đất tại* xã Đ *để sử dụng vào mục đích chung; đền bù thành quả lao động cho bà* Lê Thị H *diện tích 3,047m^2, hỗ trợ cho bà* H *thành quả lao động trên 4.731m^2 đất như công lên liếp, giống, công chăm sóc và phần đất đắp ụ 15.251m^2 hỗ trợ công đắp. Giao Chủ tịch* UBND tỉnh L *chỉ đạo Chủ tịch* UBND huyện Đ *thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số 164548 ngày 04/8/1999 của ông* Nguyễn Khắc T1*".*

Ngày 08/8/2007, văn phòng C3 ban hành công văn số 4409/VPCP-VII gửi Thanh tra Chính Phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh L thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng: *"Đồng ý với kết luận kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại báo cáo số 1816/TTCP-V4 ngày 07/10/2005; giao chủ tịch* Ủy ban nhân dân tỉnh L *thực hiện giải quyết dứt điểm khiếu nại của bà* Lê Thị H*; báo cáo kết quả giải quyết lên Thủ tướng Chính phủ";*

Ngày 12/10/2007, UBND tỉnh L ban hành Quyết định 2603/QĐ-UBND nội dung: *"thu hồi Quyết định 1767/QĐ.UB ngày 23/10/1996 của UBND tỉnh"; "Thu hồi 27.514m^2 đất thuộc thửa 25, 69 tờ bản đồ số 29, loại đất LN giao cho* UBND huyện Đ *sử dụng vào mục đích chung. Giao* UBND huyện Đ *thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 146548 ngày 04/8/1999 của ông* Nguyễn Khắc T1*, lập Hội đồng định giá đền bù thành quả lao động cho bà* Lê Thị H *diện tích đất 3.047m^2, hỗ trợ cho bà* H *thành quả lao động trên diện tích 4.731m^2 đất như công lên liếp, giống cây chăm sóc và phần đất đắp ụ 15.251m^2 hỗ trợ công đắp; Bác đơn khiếu nại của bà* Lê Thị H *do việc bà* Lê Thị H *yêu cầu được sử dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết"* (BL50);

Ngày 23/11/2007, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8034/QĐ-UBND v/v thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc T1. (BL143);

Ngày 03/7/2008, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5459/QĐ-UBND v/v bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H, đất tọa lạc tại xã Đ, số tiền bồi thường, hỗ trợ là 10.152.750 đồng (BL148);

Năm 2008, bà H tiếp tục có Đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh L.

Ngày 24/9/2008, UBND tỉnh L có Văn bản 5898/UBND-TCD trả lời đơn khiếu nại: *Trường hợp khiếu nại của bà* H *đã hết thời hiệu khiếu nại. Yêu cầu bà* H *nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007*.(BL149);

Năm 2016, bà H tiếp tục có Đơn khiếu nại. Ngày 24/5/2017, UBND tỉnh L có Thông báo số 2194/UBND-TCD về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H với nội dung: *khẳng định Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 là đúng quy định pháp luật, việc bà* H *yêu cầu được sử dụng đất với diện tích 27.514m^2 là không có cơ sở xem xét giải quyết.* (BL151-152);

[2.3] Như vậy, qua quá trình giải quyết, có cơ sở để kết luận, phần đất 27.514m^2 tranh chấp có nguồn gốc đất của gia đình ông Nguyễn Khắc T1. Tuy nhiên ông T1 không canh tác mà bỏ hoang từ trước đến năm 1975. Năm 1983, ông T1 có kê khai diện tích đất này cùng với bà C2 ở xã Đ nhưng lại bỏ hoang không canh tác, bị bà H lấn chiếm. Nên, Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị thu hồi đất của ông T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Đất đai 1988 (chính xác là Luật đất đai năm 1987, có hiệu lực năm 1988). Ngày 12/10/2007, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ Tướng, UBND tỉnh L ban hành Quyết định 2603/QĐ-UBND nội dung: *"thu hồi Quyết định 1767/QĐ.UB ngày 23/10/1996 của UBND tỉnh"; "Thu hồi 27.514m^2 đất thuộc thửa 25, 69 tờ bản đồ số 29, loại đất LN giao cho* UBND huyện Đ *sử dụng vào mục đích chung. Giao* UBND huyện Đ *thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 146548 ngày 04/8/1999 của ông* Nguyễn Khắc T1*, lập Hội đồng định giá đền bù thành quả lao động cho bà* Lê Thị H *diện tích đất 3.047m^2, hỗ trợ cho bà* H *thành quả lao động trên diện tích 4.731m^2 đất như công lên liếp, giống cây chăm sóc và phần đất đắp ụ 15.251m^2 hỗ trợ công đắp; Bác đơn khiếu nại của bà* Lê Thị H *do việc bà* Lê Thị H *yêu cầu được sử*

dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết". Tại quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh L đã căn cứ quy định của các quy phạm pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản là Luật đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP; Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2005; Nghị định 136/2006/NĐ-CP; Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 để thu hồi đất, bồi thường và giải quyết bác yêu cầu của bà H là có cơ sở. Bà Lê Thị H là người lấn chiếm khai hoang đất của ông T1, dù bà H cho rằng bà H thực hiện chủ trương lấp kín đồng bưng của Nhà nước. Tuy nhiên, bà H không đăng ký kê khai để được giao đất, không được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định nên chỉ được hỗ trợ đền bù thành quả lao động trên đất là phù hợp. Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc T1 và Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Xét văn bản số 2194/UBND-TCD ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H có nội dung khẳng định Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là đúng quy định pháp luật và việc bà Lê Thị H yêu cầu được sử dụng đất với diện tích 27.514m^2 là không có cơ sở xem xét. Xét thấy, đây là văn bản giải quyết khiếu nại của bà H đối với Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007, hình thức, thẩm quyền của văn bản tuy chưa phù hợp với quy định của Luật giải quyết Khiếu nại năm 2012, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến nội dung đúng đắn của quyết định hành chính bị kiện, đảm bảo đúng tinh thần chỉ đạo của Phó thủ tướng Chính phủ.

[4] Mặt khác, Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, các Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 23/10/1996 và Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 31/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành trước đó đã bị thu hồi hợp pháp, đối tượng khởi kiện không còn, nên không còn căn cứ để xem xét.

[5] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị H: Mặc dù, Quyết định số 2603 và Văn bản số 2194 có một số sai sót nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung đúng đắn và tính hợp pháp của quyết định hành chính này. Ngoài ra, Quyết định số 2603 của UBND tỉnh L được ban hành từ năm 2007 và đã được thi hành xong. Việc hủy các Quyết định nêu trên để ban hành lại các Quyết định mới với nội dung tương tự sẽ không làm thay đổi nội dung vụ việc nên xét thấy không cần tuyên hủy các Văn bản trên. Ủy ban nhân dân tỉnh L cần rút kinh nghiệm. Vì vậy, kháng cáo của bà Lê Thị H đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ.

[6] Tại cấp phúc thẩm, phía ông T1 cho rằng sau khi UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8034 về việc thu hồi GCNQSDĐ thì ông T1 bị tai nạn, có biểu hiện tâm thần, mất trí nhớ phải điều trị nhiều nơi nên không thể khiếu nại đối với Quyết định trên. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ mà ông T1 cung cấp cũng

không chứng minh được lời trình bày của mình là có căn cứ nên kháng cáo của ông T1 yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập về việc Hủy Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ không có cơ sở để xem xét. Đối với yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định số 2603/QĐ-UB ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là yêu cầu mới, vượt quá yêu cầu độc lập ban đầu, vượt quá phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Bà Lê Thị C1 với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc T1 cho rằng vào năm 2004, bà đã nhận chuyển nhượng lại diện tích 27.514m^2 (đất do ông T1 đứng tên trên sổ); bà nhận chuyển nhượng lại của tất cả các anh em của ông T1 (là các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hồng H2, ông Nguyễn Tấn L) , đã trả đủ tiền và nhận đất nhưng sau đó do có tranh chấp với bà H nên không làm thủ tục sang tên được. Bà đề nghị được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét bà C1 chứng minh cho lời khai của mình bằng Giấy sang nhượng đất viết tay có chữ ký của ông T1 và của các anh em của ông. Tuy nhiên, vụ việc tranh chấp đã xảy ra từ lâu, Giấy sang nhượng này chỉ viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không đủ cơ sở để xem xét. Nếu bà C1 có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H3 và ông Nguyễn Khắc T1. Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc T1 phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 5 Điều 14 Luật Đất đai 1987; Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai 2003; Luật Khiếu nại tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2005; Luật Khiếu nại năm 2012; Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc:

- Hủy Văn bản số 2194/UBND-TCD ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị H.

- Hủy Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi quyết định số 1716/QĐ-UB ngày 23/10/1996.

- Hủy Quyết định số 1767/QĐ.UB ngày 23/10/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khắc T1 xã Đ, huyện Đ.

- Hủy Quyết định số 4227/QĐ.UB ngày 31/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị H với ông Nguyễn Khắc T1.

2. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động trên đất cho bà Lê Thị H.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 03/UB.QĐ.93 ngày 24/8/1993 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc công nhận giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Khác T6 và bà Lê Thị H.

Bà H *không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với các yêu cầu này theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.*

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Khắc T1 về việc hủy Quyết định số 8034/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khắc T1.

Ông T1 *không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.*

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc T1 được miễn.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ **Nguyễn Thị Thúy Hòa** **Lê Văn An**